

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2025 và việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 50/2025/TLST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: [Ngân hàng TMCP B1](#)

Địa chỉ: Toà nhà H, đường N, [Phường N, Quận B, TP . Hồ Chí Minh](#)

Đại diện theo pháp luật: Ông [Ngô Quang T](#) – Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông [Nguyễn Đình A](#) – Giám đốc TT QL & THN

Địa chỉ liên lạc: 504 đường [L, P B, Quận T, TP . Hồ chí Minh](#)

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông [Lê Xuân B](#), ông [Bùi Văn C](#), ông [Hò Như H](#)

Địa chỉ liên lạc: [Số 27-29 Đại lộ L, P.L, TP .T, tỉnh Thanh Hóa](#)

(Theo Quyết định uỷ quyền số 846/23/BVBank/UQ-QL&THN ngày 14/12/2023 của Tổng giám đốc [Ngân hàng TMCP B1](#) và Giấy uỷ quyền số 164/25/BVBank/UQ-QL&THN ngày 20/02/2025 của Giám đốc trung tâm quản lý và thu hồi nợ).

Bị đơn: Chị [Nguyễn Thị T1](#), sinh năm 1968

Nơi cư trú: [Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên đương sự thống nhất:

**Về số tiền nợ:* Tính đến ngày 26/5/2025, chị [Nguyễn Thị T1](#) còn nợ [Ngân hàng TMCP B1](#) tổng số tiền là 2.068.073.500 đồng (Hai tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc 2.000.000.000đ; Nợ lãi chưa thanh toán 67.169.681đ; Lãi phạt chậm lãi 903.819đồng). Theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0752400059800 ngày 23/10/2024, đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 24/10/2024.

**Về phương thức thanh toán:* Chị [Nguyễn Thị T1](#) có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho [Ngân hàng TMCP B1](#) là 2.068.073.500 đồng (Hai tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng).

Trong đó: Nợ gốc 2.000.000.000đ; Nợ lãi chưa thanh toán 67.169.681đ; Lãi phạt chậm lãi 903.819đồng). Chia làm 6 kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- + Kỳ 1: Ngày 25/6/2025 trả 20.000.000 đồng tiền gốc
- + Kỳ 2: Ngày 25/7/2025 trả 20.000.000 đồng tiền gốc
- + Kỳ 3: Ngày 25/8/2025 trả 20.000.000 đồng tiền gốc
- + Kỳ 4: Ngày 25/9/2025 trả 20.000.000 đồng tiền gốc
- + Kỳ 5: Ngày 25/10/2025 trả 20.000.000 đồng tiền gốc
- + Kỳ 6: Ngày 25/11/2025 trả số tiền còn lại là 1.968.073.500đồng (Trong đó nợ gốc 1.900.000.000đ; nợ lãi chưa thanh toán 67.169.681đ đồng, lãi phạt chậm lãi 903.819đ) + lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo ngày hoà giải (27/5/2025) cho đến khi thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0752400059800 ngày 23/10/2024, đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 24/10/2024.

Trường hợp chị [Nguyễn Thị Tuyết vi P](#) nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nêu trên cho Ngân hàng, thì [Ngân hàng TMCP B1](#) có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 210, tờ bản đồ địa chính số 33, đo vẽ năm 2015, diện tích 649,0m², Đất ở tại nông thôn 501,0m², đất trồng cây lâu năm 148,0m². Địa chỉ thửa đất: [Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#). Trên đất có nhà 01 tầng, cấp 04, diện tích xây dựng 112,9m², diện tích sử dụng 112,9m²; Kết cấu tường xây gạch 220, khung cột BT chịu lực, mái BTCT đổ tại chỗ. Do Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện H](#) cấp ngày 30/9/2024 mang tên ông [Lê Văn T2](#). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 662726; Sổ vào sổ cấp GCN: CN 04426 .

Ngày 18/10/2024 tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà [Nguyễn Thị T1](#), sinh năm 1968, số CCCD 038168014397, thường trú tại [thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#), theo hồ sơ số 017693. Mã hồ sơ TC.001./.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0752400059700 ngày 23/10/2024 tại [Văn phòng Công chứng Đ](#) và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 600 ngày 23/10/2024 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai [huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#).

Về án phí: Chị [Nguyễn Thị T1](#) phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là **36.680.000 đồng** (làm tròn số). [Ngân hàng TMCP B1](#) không phải chịu án phí và được nhận tại số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Trả lại cho [Ngân hàng TMCP B1](#) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp là 36.193.000đồng. Theo biên lai thu số 0006840 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSNDTP.Thanh Hoá;
- Chi cục THADSTP.Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Mai Thị Lý